

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn
sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số	0102004703	Ngày 11/3/2002
	0102004703, điều chỉnh lần 1	Ngày 27/10/2003
	0102004703, điều chỉnh lần 2	Ngày 27/2/2006
	0102004703, điều chỉnh lần 3	Ngày 03/8/2007
	0103018927	Ngày 08/8/2007
	0103018927, điều chỉnh lần 1	Ngày 20/8/2009
	0103018927, điều chỉnh lần 2	Ngày 23/10/2009
	0101217009, điều chỉnh lần 3	Ngày 25/5/2010
	0101217009, điều chỉnh lần 4	Ngày 21/6/2010
	0101217009, điều chỉnh lần 5	Ngày 04/11/2010
	0101217009, điều chỉnh lần 6	Ngày 04/3/2011
	0101217009, điều chỉnh lần 7	Ngày 16/3/2011
	0101217009, điều chỉnh lần 8	Ngày 21/6/2011
	0101217009, điều chỉnh lần 9	Ngày 07/11/2011
	0101217009, điều chỉnh lần 10	Ngày 03/5/2012
	0101217009, điều chỉnh lần 11	Ngày 01/8/2012
	0101217009, điều chỉnh lần 12	Ngày 11/4/2013
	0101217009, điều chỉnh lần 13	Ngày 30/5/2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị	Trần Xuân Kiên Đỗ Thị Thu Hương Srisant Chitvaranund Nghiem Xuân Thắng Đỗ Thị Kim Liên Hoàng Anh Tuấn Bùi Xuân Hùng	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Giám đốc	Trần Xuân Kiên Đỗ Thị Thu Hương Nghiem Xuân Thắng	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Giám đốc điều hành
Trụ sở đăng ký	1174 Đường Láng, Phường Láng Thượng Quận Đống Đa Hà Nội Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Báo cáo của Ban Giám đốc

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ (“VAS”) nhằm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty; và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ. Trong khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc thực hiện:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc

Trần Xuân Kiên
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 14 -08- 2013



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến trang 30. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu giới hạn ở việc phỏng vấn cán bộ của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với các số liệu tài chính. Do đó công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn so với một cuộc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện một cuộc kiểm toán và do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 13-02-075R-2013



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2013

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		285.920.027.016	320.955.848.193
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	25.748.647.889	58.764.220.404
Tiền	111		14.748.647.889	14.764.220.404
Các khoản tương đương tiền	112		11.000.000.000	44.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	45.211.699.555	96.629.887.392
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		45.211.699.555	96.629.887.392
Các khoản phải thu	130		5.924.192.355	15.066.311.443
Phải thu khách hàng	131		2.279.223.285	14.875.379.573
Trả trước cho người bán	132		3.644.969.070	190.931.870
Hàng tồn kho	140	6	178.368.239.353	132.666.785.436
Hàng tồn kho	141		181.595.273.140	135.893.819.223
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.227.033.787)	(3.227.033.787)
Tài sản ngắn hạn khác	150		30.667.247.864	17.828.643.518
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		9.611.496.953	8.528.271.606
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.500.101.199	4.469.895.396
Tài sản ngắn hạn khác	158	7	11.555.649.712	4.830.476.516
Tài sản dài hạn (200 = 220 +260)	200		80.464.885.488	68.462.719.475
Tài sản cố định	220		18.913.947.554	13.460.057.316
Tài sản cố định hữu hình	221	8	8.760.433.136	9.058.045.034
<i>Nguyên giá</i>	222		17.438.560.244	18.641.926.999
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8.678.127.108)	(9.583.881.965)
Tài sản cố định vô hình	227	9	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		848.032.010	866.331.960
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(848.032.010)	(866.331.960)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	10.153.514.418	4.402.012.282
Tài sản dài hạn khác	260		61.550.937.934	55.002.662.159
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	5.538.533.624	2.139.909.079
Tài sản dài hạn khác	268	12	56.012.404.310	52.862.753.080
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		366.384.912.504	389.418.567.668

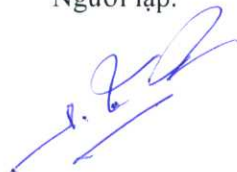
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		131.630.885.822	144.264.067.449
Nợ ngắn hạn	310		131.630.885.822	144.264.067.449
Vay ngắn hạn	311	13	11.553.613.112	-
Phải trả người bán	312		104.475.940.908	130.907.225.843
Người mua trả tiền trước	313		2.213.680.313	541.735.452
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	444.600.014	1.994.491.000
Phải trả công nhân viên	315		5.561.443.404	5.581.312.218
Chi phí phải trả	316		2.399.091.753	1.919.280.410
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	15	3.312.965.394	1.291.806.288
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.669.550.924	2.028.216.238
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		234.754.026.682	245.154.500.219
Vốn chủ sở hữu	410	16	234.754.026.682	245.154.500.219
Vốn cổ phần	411	17	123.990.160.000	123.990.160.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		68.613.164.001	68.613.164.001
Cổ phiếu quỹ	414	18	(26.927.275.640)	(6.250.995.640)
Quỹ đầu tư phát triển	417	18	424.368.000	424.368.000
Quỹ dự phòng tài chính	418	18	9.658.562.218	8.087.214.032
Lợi nhuận chưa phân phối	420		58.995.048.103	50.290.589.826
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		366.384.912.504	389.418.567.668

Người lập:



Phan Quang Trường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Xuân Kiên
Tổng Giám đốc

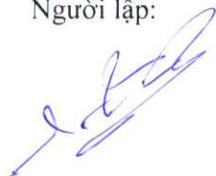
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 02a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Doanh thu	01	19	829.632.427.222	784.698.791.931
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	13.846.819.575	7.275.668.091
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		815.785.607.647	777.423.123.840
Giá vốn hàng bán	11		734.600.102.557	695.334.081.526
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		81.185.505.090	82.089.042.314
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	4.668.716.730	9.897.628.396
Chi phí tài chính	22		112.003.693	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		112.003.693	-
Chi phí bán hàng	24		67.708.005.646	55.133.394.102
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.902.478.080	10.926.310.582
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		8.131.734.401	25.926.966.026
Thu nhập khác	31	21	8.016.712.075	241.219.428
Chi phí khác	32		352.240.279	32.523.204
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		7.664.471.796	208.696.224
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		15.796.206.197	26.135.662.250
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	3.949.051.548	6.597.603.425
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		11.847.154.649	19.538.058.825
Lãi trên cổ phiếu		23		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		985	1.606

Người lập:



Phan Quang Trường
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Trần Xuân Kiên
Tổng Giám đốc

14 -08- 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
(Phương pháp trực tiếp)****Mẫu B 03a – DN**

	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ khách hàng	01	908.158.136.597	855.443.163.924
Tiền chi trả cho nhà cung cấp	02	(934.144.386.121)	(759.264.356.580)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(28.778.654.876)	(25.169.752.505)
Tiền lãi vay đã trả	04	(25.953.161)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(5.499.542.573)	(9.942.649.915)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.062.530.395	1.165.828.108
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(7.056.166.872)	(11.278.861.692)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(64.284.036.611)	50.953.371.340
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(15.862.267.569)	(6.099.416.629)
Gửi tài khoản tiền gửi kỳ hạn trên 90 ngày	23	(86.891.802.208)	(119.410.949.815)
Tiền thu từ việc rút tài khoản tiền gửi kỳ hạn trên 90 ngày	26	138.309.990.045	141.803.041.290
Thu lãi tiền gửi	27	4.835.210.716	10.338.770.636
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	40.391.130.984	26.631.445.482

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

(Phương pháp trực tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ	32	(20.676.280.000)	(75.600.000)
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	23.278.715.764	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(11.725.102.652)	-
Tiền chi trả cổ tức	36	-	(16.162.757.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.122.666.888)	(16.238.357.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(33.015.572.515)	61.346.459.322
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	58.764.220.404	36.140.042.928
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70 4	25.748.647.889	97.486.502.250

Người lập:



Phan Quang Trường
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Trần Xuân Kiên
Tổng Giám đốc

14 -08- 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 09a – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có 1.075 nhân viên (31/12/2012: 725 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về việc tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đánh giá

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc khi đơn vị được đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tại ngày 1 tháng 5 năm 2013, Công ty thay đổi chính sách kế toán về phương pháp tính giá thành của hàng tồn kho từ bình quân gia quyền sang phương pháp nhập trước xuất trước. Việc thay đổi chính sách kế toán được áp dụng hồi tố và không có ảnh hưởng trọng yếu đối với số liệu so sánh năm 2012. Vì vậy, Ban giám đốc Công ty quyết định không điều chỉnh lại số liệu so sánh cho năm 2012.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 7 năm
▪ nâng cấp siêu thị	3 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa được lắp đặt. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Công cụ dụng cụ được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích cung cấp các thông tin về ý nghĩa của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản cho vay và các khoản phải thu; hoặc
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính nêu trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh cho các báo cáo tài chính và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính trong bảng cân đối kế toán và kết quả kinh doanh. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(n) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh, là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông, và một khu vực địa lý, là Việt Nam.

(r) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cá nhân có ảnh hưởng đáng kể trực tiếp hoặc gián tiếp tới Công ty, các nhân viên quản lý chủ chốt, thành viên mật thiết trong gia đình, công ty con và công ty liên kết của các cá nhân này.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	1.249.965.246	204.232.741
Tiền gửi ngân hàng	5.136.255.593	10.696.104.663
Tiền đang chuyển	8.362.427.050	3.863.883.000
Các khoản tương đương tiền	11.000.000.000	44.000.000.000
	25.748.647.889	58.764.220.404

Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 bao gồm 11.000 triệu VND (31/12/2012: không) bị hạn chế sử dụng theo các điều khoản bảo lãnh của Công ty với các nhà cung cấp.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng có kỳ hạn từ 90 đến 120 ngày.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 bao gồm 20.000 triệu VND bị hạn chế sử dụng theo các điều khoản bảo đảm của Công ty cho khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 13) và 1.519 triệu VND bị hạn chế sử dụng theo các điều khoản bảo đảm của Công ty với các nhà cung cấp (31/12/2012: 11.000 triệu VND).

6. Hàng tồn kho

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	481.872.150	215.028.114
Thành phẩm	630.880.772	690.700.415
Hàng hóa	180.482.520.218	134.988.090.694
	<hr/>	<hr/>
	181.595.273.140	135.893.819.223
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.227.033.787)	(3.227.033.787)
	<hr/>	<hr/>
	178.368.239.353	132.666.785.436

Bao gồm trong thành phẩm, hàng hóa tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 có 44.903 triệu VND (31/12/2012: 47.911 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Tài sản ngắn hạn khác

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tạm ứng cho nhân viên	185.456.449	247.540.449
Phải thu tiền phạt của đơn vị khác	7.700.557.358	-
Các khoản khác	3.669.635.905	4.582.936.067
	<hr/>	<hr/>
	11.555.649.712	4.830.476.516

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Thiết bị văn phòng VND	Nâng cấp siêu thị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	2.310.854.469	5.786.939.477	6.613.471.700	3.930.661.353	18.641.926.999
Tăng trong kỳ	-	1.519.278.923	-	750.000.000	2.269.278.923
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	602.774.400	208.781.118	80.012.500	-	891.568.018
Phân loại lại (*)	-	(2.191.076.604)	(859.861.872)	-	(3.050.938.476)
Xóa sổ	-	-	(1.313.275.220)	-	(1.313.275.220)
Số dư cuối kỳ	2.913.628.869	5.323.922.914	4.520.347.108	4.680.661.353	17.438.560.244
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	467.771.781	3.444.023.553	4.268.248.895	1.403.837.736	9.583.881.965
Khấu hao trong kỳ	251.177.928	641.061.248	641.897.368	348.388.445	1.882.524.989
Phân loại lại (*)	-	(1.226.592.603)	(606.897.970)	-	(1.833.490.573)
Xóa sổ	-	-	(954.789.273)	-	(954.789.273)
Số dư cuối kỳ	718.949.709	2.858.492.198	3.348.459.020	1.752.226.181	8.678.127.108
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	1.843.082.688	2.342.915.924	2.345.222.805	2.526.823.617	9.058.045.034
Số dư cuối kỳ	2.194.679.160	2.465.430.716	1.171.888.088	2.928.435.172	8.760.433.136

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 4.472 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 (31/12/2012: 4.075 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

(*) Trong kỳ, Công ty phân loại một số tài sản cố định với nguyên giá thấp hơn 30 triệu VND sang chi phí trả trước dài hạn theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”).

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	866.331.960
Phân loại lại (*)	(18.299.950)
Số dư cuối kỳ	848.032.010
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	866.331.960
Phân loại lại (*)	(18.299.950)
Số dư cuối kỳ	848.032.010
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	-
Số dư cuối kỳ	-

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 848 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 (31/12/2012: 866 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

(*) Trong kỳ, Công ty phân loại một số tài sản cố định với nguyên giá thấp hơn 30 triệu VND sang chi phí trả trước dài hạn theo quy định của Thông tư số 45.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Số dư đầu kỳ/năm	4.402.012.282	5.985.083.984
Tăng trong kỳ/năm	12.994.088.697	8.236.812.014
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(891.568.018)	(5.997.251.237)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(2.713.262.839)	(2.080.386.704)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(3.599.385.886)	(1.742.245.775)
Xóa sổ	(38.369.818)	-
Số dư cuối kỳ	10.153.514.418	4.402.012.282

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Số dư của chi phí xây dựng cơ bản dở dang cuối kỳ bao gồm:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thi công nội thất siêu thị	6.664.330.830	540.498.876
Chi phí phát triển phần mềm	3.489.183.588	3.489.183.588
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	-	372.329.818
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	10.153.514.418	4.402.012.282
	<hr/>	<hr/>

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	1.642.442.480	497.466.599	2.139.909.079
Tăng trong kỳ	583.899.949	15.000.000	598.899.949
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.863.125.969	850.136.870	2.713.262.839
Phân bổ trong kỳ	(828.391.390)	(302.594.756)	(1.130.986.146)
Phân loại lại (*)	1.217.447.903	-	1.217.447.903
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	4.478.524.911	1.060.008.713	5.538.533.624
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

(*) Khoản này thể hiện giá trị còn lại của các tài sản không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 2 của Thông tư 45, được phân loại từ tài sản cố định hữu hình và vô hình trong kỳ (Thuyết minh 7 và 8), và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính còn lại, nhưng không quá 3 năm.

12. Tài sản dài hạn khác

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, tài sản dài hạn khác bao gồm các khoản đặt cọc tiền thuê các siêu thị của Công ty.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

13. Vay ngắn hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Khoản vay ngân hàng	VND	10,70%	11.553.613.112	-

Khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng khoản đầu tư ngắn hạn có giá trị ghi sổ là 20.000 triệu VND (Thuyết minh số 5).

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	443.999.975	1.994.491.000
Thuế thu nhập cá nhân	600.039	-
	444.600.014	1.994.491.000

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Cổ tức phải trả	75.339.577	75.339.577
Nhận kỹ quỹ, ký cược ngắn hạn	2.035.483.024	1.044.483.410
Doanh thu chưa thực hiện	-	141.668.666
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.202.142.793	30.314.635
	3.312.965.394	1.291.806.288

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	83.425.060.000	68.613.164.001	(6.175.395.640)	424.368.000	5.100.880.563	65.401.393.048	216.789.469.972
Phát hành cổ phiếu thưởng	40.565.100.000	-	-	-	-	(40.565.100.000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	19.538.058.825	19.538.058.825
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	2.986.333.469	(2.986.333.469)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.986.333.469)	(2.986.333.469)
Mua lại cổ phiếu quỹ trong kỳ	-	-	(75.600.000)	-	-	-	(75.600.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	123.990.160.000	68.613.164.001	(6.250.995.640)	424.368.000	8.087.214.032	38.401.684.935	233.265.595.328
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	123.990.160.000	68.613.164.001	(6.250.995.640)	424.368.000	8.087.214.032	50.290.589.826	245.154.500.219
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	11.847.154.649	11.847.154.649
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	1.571.348.186	(1.571.348.186)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.571.348.186)	(1.571.348.186)
Mua lại cổ phiếu quỹ trong kỳ	-	-	(20.676.280.000)	-	-	-	(20.676.280.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	123.990.160.000	68.613.164.001	(26.927.275.640)	424.368.000	9.658.562.218	58.995.048.103	234.754.026.682

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

17. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	12.399.016	123.990.160.000	12.399.016	123.990.160.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	12.399.016	123.990.160.000	12.399.016	123.990.160.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(762.355)	(7.623.550.000)	(237.255)	(2.372.550.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	11.636.661	116.366.610.000	12.161.761	121.617.610.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ/năm như sau:

	30/6/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ/năm	12.161.761	121.617.610.000	8.116.356	81.163.560.000
Cổ phiếu thưởng phát hành trong kỳ/năm	-	-	4.056.510	40.565.100.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ/năm	(525.100)	(5.251.000.000)	(7.560)	(75.600.000)
Cổ phiếu thưởng thu hồi trong kỳ/năm	-	-	(3.545)	(35.450.000)
Số dư cuối kỳ	11.636.661	116.366.610.000	12.161.761	121.617.610.000

Bao gồm trong số cổ phiếu của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 có 2.707.344 cổ phiếu (31/12/2012: 2.707.344 cổ phiếu) được nắm giữ bởi công ty TNHH Quỹ Aureos Đông Nam Á (“Aureos”). Theo các điều khoản trong thỏa thuận giữa Công ty và Aureos ký ngày 10 tháng 6 năm 2010 (“Thỏa thuận”), Công ty cam kết với Aureos nếu Aureos không nhận được lợi nhuận đầu tư tối thiểu theo thỏa thuận trong thời gian 3 năm đầu tiên đầu tư vào Công ty, Aureos có quyền tính một mức phí quản lý trị giá 21,3 tỷ VND đối với Công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty đã đạt được mức lợi nhuận đầu tư tối thiểu theo thỏa thuận với Aureos, do vậy Công ty không phải trả mức phí quản lý này cho Aureos.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

18. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Theo Điều lệ của Công ty, Công ty phải trích lập 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm vào quỹ dự phòng đến khi quỹ dự phòng bằng 10% vốn cổ phần của Công ty.

19. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng	829.632.427.222	784.698.791.931
Giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(13.846.819.575)	(7.275.668.091)
Doanh thu thuần	815.785.607.647	777.423.123.840

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi	4.668.716.730	9.894.438.680
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	3.189.716
	4.668.716.730	9.897.628.396

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

21. Thu nhập khác

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Tiền phạt nhận được của đơn vị khác	7.700.557.358	-
Thu nhập khác	316.154.717	241.219.428
	8.016.712.075	241.219.428

22. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Chi phí thuế hiện hành Kỳ hiện tại	3.949.051.548	6.597.603.425

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	15.796.206.197	26.135.662.250
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	3.949.051.548	6.533.915.563
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	63.687.862
	3.949.051.548	6.597.603.425

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, theo đó Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập với mức thuế suất 22% lợi nhuận chịu thuế từ năm 2014 và 20% từ năm 2016.

23. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 căn cứ vào số lợi nhuận thuộc về các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trị giá 11.847.154.649 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012: 19.538.058.825 VND) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu thông đang lưu hành là 12.027.770 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012: 12.167.915), được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	11.847.154.649	19.538.058.825
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.847.154.649	19.538.058.825

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	12.161.761	8.116.356
Cổ phiếu thưởng phát hành ngày 5 tháng 6 năm 2012	-	4.056.510
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ	(133.991)	(1.406)
Ảnh hưởng của việc thu hồi cổ phiếu thưởng trong kỳ	-	(3.545)
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông tại thời điểm cuối kỳ	12.027.770	12.167.915

24. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty thực hiện việc giám sát Ban giám đốc trong việc tuân thủ các chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty, cũng như rà soát tính thích hợp của các chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi tại các ngân hàng.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4	24.498.682.643	58.559.987.663
Các khoản đầu tư ngắn hạn	5	45.211.699.555	96.629.887.392
Các khoản phải thu khách hàng		2.279.223.285	14.875.379.573
		<hr/>	<hr/>
		71.989.605.483	170.065.254.628
		<hr/>	<hr/>

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín của Việt Nam. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các ngân hàng này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín của Việt Nam. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các ngân hàng này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Các khoản phải thu khách hàng

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, các khoản phải thu ngắn hạn bao gồm các khoản phải thu thương mại từ các khách hàng của Công ty. Tính đến thời điểm phát hành báo cáo, Công ty đã thu hồi hết các khoản phải thu thương mại này.

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa gắn liền với các khoản phải thu này.

Phần lớn doanh thu bán hàng của Công ty được thực hiện qua những giao dịch trả tiền ngay.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

30/6/2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay ngắn hạn	11.553.613.112	11.639.663.645	11.639.663.645
Các khoản phải trả thương mại	104.475.940.908	104.475.940.908	104.475.940.908
Chi phí phải trả	2.399.091.753	2.399.091.753	2.399.091.753
Phải trả khác	3.312.965.394	3.312.965.394	3.312.965.394
	121.741.611.167	121.827.661.700	121.827.661.700

31/12/2012

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Các khoản phải trả thương mại	130.907.225.843	130.907.225.843	130.907.225.843
Chi phí phải trả	1.919.280.410	1.919.280.410	1.919.280.410
Phải trả khác	1.150.137.622	1.150.137.622	1.150.137.622
	133.976.643.875	133.976.643.875	133.976.643.875

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Công ty không bị ảnh hưởng bởi rủi ro hối đoái bởi tất cả nghiệp vụ bán hàng và mua hàng của Công ty đều được thực hiện bằng Việt Nam Đồng.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính – Các khoản tương đương tiền	11.000.000.000	44.000.000.000
Tài sản tài chính – Các khoản đầu tư ngắn hạn	45.211.699.555	96.629.887.392
Nợ phải trả tài chính – Vay ngắn hạn	(11.553.613.112)	-
	<hr/>	<hr/>
	44.658.086.443	140.629.887.392

Các công cụ tài chính trên của Công ty có lãi suất cố định, do đó Công ty không chịu rủi ro biến động lãi suất.

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính không có sự khác biệt lớn so với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

25. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Các cổ đông		
Trần Xuân Kiên		
Cổ phiếu thưởng nhận được	-	9.816.100.000
Trả cổ tức	-	3.926.440.000
Đỗ Thị Thu Hường		
Cổ phiếu thưởng nhận được	-	9.268.210.000
Trả cổ tức	-	3.707.284.000
Công ty TNHH Quỹ Aureos Đông Nam Á		
Cổ phiếu thưởng nhận được	-	9.024.480.000
Trả cổ tức	-	3.609.792.000
Hoàng Anh Tuấn		
Cổ phiếu thưởng nhận được	-	906.000.000
Trả cổ tức	-	362.400.000
Nghiêm Xuân Thắng		
Cổ phiếu thưởng nhận được	-	405.000.000
Trả cổ tức	-	162.000.000
Bùi Xuân Hùng		
Cổ phiếu thưởng nhận được	-	267.320.000
Trả cổ tức	-	106.930.000
Đỗ Thị Kim Liên		
Cổ phiếu thưởng nhận được	-	1.939.940.000
Trả cổ tức	-	397.976.000
Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		
Thù lao đã trả	251.409.000	416.900.000

26. Cam kết

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	55.046.260.227	52.968.363.153
Trong vòng hai đến năm năm	111.964.128.332	123.894.935.307
Sau năm năm	247.840.488.120	144.159.717.450
	414.850.876.679	321.023.015.910

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

27. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Vào ngày 29 tháng 7 năm 2013 và ngày 6 tháng 8 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định phát hành thêm 652.580 cổ phiếu cho cổ đông chiến lược mới là Tập đoàn Nojima Corporation được thành lập ở Nhật Bản với giá 49.337 VND một cổ phiếu. Số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một (1) năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành.

Vào ngày 12 tháng 8 năm 2013, Công ty đã nhận được phê duyệt của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kế hoạch phát hành cổ phiếu nói trên.

28. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Hàng hóa và chi phí liên quan	734.600.102.557	695.334.081.526
Chi phí nhân công	31.279.578.033	25.835.070.841
Chi phí khấu hao	1.882.524.989	2.092.925.585
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.453.497.126	34.361.138.459
Chi phí khác	4.994.883.578	3.770.569.798

Người lập:

Phan Quang Trường
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Trần Xuân Kiên
Tổng Giám đốc

14 -08- 2013